

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 534 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... 2494 ... Ngày: ... 01/4 ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 30/TTr-BLĐTBXH ngày 22 tháng 3 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 41 liệt sĩ thuộc Bộ Quốc phòng và 05 tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng, Phú Thọ, Thừa Thiên Huế (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,
- VPCP: PCN Phạm Viết Muôn,
Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), LHN (9 b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc

DANH SÁCH LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP "BẰNG TỔ QUỐC GHI CÔNG"

*(Kèm theo Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013
của Thủ tướng Chính phủ)*



BỘ QUỐC PHÒNG

1. Liệt sĩ: Quách Văn Tội

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 6 năm 1953.

2. Liệt sĩ: Đinh Văn Tho

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975.

3. Liệt sĩ: Nguyễn Nủ

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 4 năm 1949.

4. Liệt sĩ: Võ Đắc Sướng

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cam Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1968.

5. Liệt sĩ: Võ Văn Đê

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1949.

6. Liệt sĩ: Lê Minh Kiên

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: phường 9, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1953.

7. Liệt sĩ: Võ Văn Huyện

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 02 năm 1969.

8. Liệt sĩ: Phùng Văn Gân

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1951.

9. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đục

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Quê quán: xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967.

10. Liệt sĩ: Lê Văn Thành

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1963.

11. Liệt sĩ: Thượng Văn Quang

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1973.

12. Liệt sĩ: Võ Văn Thảo

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 12 năm 1960.

13. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Giò

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 02 năm 1949.

14. Liệt sĩ: Nguyễn Duy Nhung

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 7 năm 1952.

15. Liệt sĩ: Lý Văn Khánh

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 11 năm 2012.

16. Liệt sĩ: Vũ Quang Khánh

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mậu Đông, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 11 năm 2012.

17. Liệt sĩ: Sùng Tờ Dìn

Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31 tháng 5 năm 2012.

18. Liệt sĩ: Nguyễn Trung Giáp

Công nhân viên quốc phòng Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 4 năm 2012.

19. Liệt sĩ: Phạm Ngọc Tạ

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hoà, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 7 năm 1975.

20. Liệt sĩ: Nguyễn Minh Đức

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 12 năm 2005.

21. Liệt sĩ: Tòng Văn Tien

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: xã Nậm Lịch, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1988.

22. Liệt sĩ: Nguyễn Vĩnh Trạ

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày 16 tháng 4 năm 1954.

23. Liệt sĩ: Phạm Tư

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: xã Ninh An, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1950.

24. Liệt sĩ: Lê Văn Toàn

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hoà Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1963.

TỈNH BẮC GIANG

25. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lý

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang), đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 8 năm 2011.

26. Liệt sĩ: Phạm Hữu Thọ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang), đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 02 năm 2011.

27. Liệt sĩ: Hoàng Tấn Sang

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang), đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 2012.

TỈNH BẮC NINH

28. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Tú

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh), đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1974.

29. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Chiến

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh), đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1974.

30. Liệt sĩ: Trần Văn Nguyên

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh), đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1974.

31. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phê

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh), đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1972.

32. Liệt sĩ: Hoàng Thế Cương

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh), đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1970.

33. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Toan

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh), đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969.

34. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Khải

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh), đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972.

35. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thúc

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh), đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1966.

36. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nghinh

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh), đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 02 năm 1975.

TỈNH CAO BẰNG

37. Liệt sĩ: Hoàng Văn Ú

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Cô Mười, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 11 năm 2011.

38. Liệt sĩ: Trần Đức Kiều

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 02 năm 2012.

TỈNH PHÚ THỌ

39. Liệt sĩ: Lê Văn Dũng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Phú Nham, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 10 năm 2010.

40. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đạo

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Yên Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 11 năm 2009.

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

41. Liệt sĩ: Nguyễn Chánh Thử

Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Dương Nỗ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1968./.